

Phụ lục 04:
MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC ĐỘ TUỔI 4-5 TUỔI
(Kèm kế hoạch số 54/KH-TrMN ngày 25/8/2024 của trường MN Đồng Sơn về Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Năm học 2025-2026)

LĨNH VỰC	MÃ HÓA MỤC TIÊU	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
1. Phát triển thể chất	a. Phát triển vận động:		
	MT1:	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng: + Trẻ trai: 14,1 - 24,2 kg + Trẻ gái: 13,7 - 24,9 kg - Chiều cao: + Trẻ trai: 100,7 - 119,2 cm + Trẻ gái: 99,9 - 118,9 cm	- Đảm bảo chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi. - Kiểm tra sức khỏe định kỳ: 2 lần/năm. - Cân, đo theo quý, mỗi quý cân, đo một lần. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ phát triển. - Thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh; can thiệp sớm đối với trẻ suy dinh dưỡng và có nguy cơ suy dinh dưỡng.
	MT2:	Trẻ thực hiện được đầy đủ, đúng, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	<i>*/ Hô hấp:</i> + Hít vào thật sâu; Thở ra từ từ. + Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật. Bắt chước tiếng kêu của đồ vật, động vật. <i>*/ Các động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai:</i> - Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang ngang 2 bên (Kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) - Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía

		sau, trên đầu) <i>*/ Các động tác phát triển cơ lưng, bụng, lườn:</i> - Cúi về trước, ngửa người ra sau. - Quay người sang trái, sang phải - Nghiêng người sang trái, sang phải <i>*/ Các động tác phát triển cơ chân:</i> - Nhún chân - Đứng lần lượt từng chân co cao đầu gối. - Nhún chân - Đứng lần lượt từng chân co cao đầu gối.
MT3:	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ trên sàn.	- Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước dồn ngang - Đi trên ghế thể dục.
MT4:	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.	- Đi bằng gót chân - Đi khụy gối. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m
MT5:	Trẻ kiểm soát được vận động: Đi thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc)	- Đi thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc)
MT6:	Trẻ kiểm soát được vận động: Chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc)	- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc)
MT7:	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: Tung bóng với người đối diện	- Chuyên, bắt bóng qua đầu. - Chuyên, bắt bóng qua chân.

	(cô/bạn): Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3m)	- Tung bóng lên cao và bắt. - Tung bắt bóng với người đối diện (khoảng cách 3 m).
MT8:	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	- Đập và bắt bóng tại chỗ 4-5 lần liên tiếp.
MT9:	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2m)	- Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2m) .
MT10:	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây.	- Chạy chậm 60m - Chạy chậm 80m - Chạy 15m trong khoảng 10 giây
MT11:	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Ném trúng đích ngang (xa 2m)	- Ném xa bằng 1. - Ném xa bằng 2 tay. - Ném trúng đích ngang (xa 2m)
MT12:	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Bò trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	- Bò chui qua cổng. - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m . - Bò chui qua ống dài 1,2m x 0,6m. - Bò trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.
MT13:	Trẻ biết trườn theo hướng thẳng.	- Trườn theo hướng thẳng.
MT14:	Trẻ biết trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.	- Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.
MT15:	Trẻ biết trèo lên, xuống 5 dóng thang.	- Trèo lên, xuống 5 dóng thang.
MT16:	Trẻ biết bật xa 35 - 40cm.	- Bật liên tục về phía trước. - Bật tách chân, khép chân a 5 ô.

			- Bật xa 35 - 40cm.
MT17:	Trẻ biết bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - cm).		- Bật qua vật cản cao 10cm - Bật qua vật cản cao 15cm - Bật - nhảy từ trên cao xuống (30 - 35cm).
MT18:	Trẻ biết nhảy lò cò 3m.		- Nhảy lò cò 3m.
MT19:	Trẻ thực hiện được các vận động: + Cuộn - xoay tròn cổ tay + Gập, mở các ngón tay.		- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi.... - Gập giấy
MT20:	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động: + Vẽ hình người, nhà, cây. + Cắt thành thạo theo đường thẳng. + Xây dựng, lắp ráp với 10-12 khối. + Biết tết sọt đôi. + Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.		- Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.
b. Giáo dục dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe:			
MT21:	Trẻ biết được một số thực phẩm cùng nhóm.		- Một số thực phẩm thông thường trong nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng)
MT22:	Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản.		- Tên một số món ăn hằng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau.. - Dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; cá kho, rán, nấu canh chua; gạo thì nấu cơm, nấu cháo.
MT23:	Trẻ biết ăn để cao lớn,		- Các bữa ăn trong ngày và

		khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ia chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì).
	MT24:	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở.	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.
	MT25:	Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Rèn cách tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.
	MT26:	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống.	- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.
	MT27:	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người: Đi vệ sinh đúng nơi quy định. Bỏ rác đúng nơi quy định. - Lựa chọn trang phục phù hợp thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp thời tiết. - Một số biểu hiện khi ốm và

			cách phòng chống đơn giản.
	MT28:	Trẻ nhận ra được bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm không đến gần. Biết các vận dụng sắc nhọn không nên nghịch.	- Những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) - Các vận dụng sắc nhọn (dao, kéo, đinh...)
	MT29:	Trẻ nhận ra được những nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	- Những nơi không an toàn (hồ áo, bể chứa nước, giếng, hố vôi, mương nước, suối...)
	MT30:	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.	- Một số hành động nguy hiểm như: + Cười đùa trong ăn, uống, ăn các loại quả có hạt. + Ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ ... uống rượu, cà phê, tự ý lấy thuốc uống. + Không ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.
	MT31:	Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	- Một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ (Cháy, có người ngã chảy máu, có người rơi xuống nước, bị lạc...). - Gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.
2. Phát triển nhận thức	a. Khám phá khoa học:		
	MT32:	Trẻ nhận biết được chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.
	MT33:	Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô.	- Đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo?; Vì sao lá cây bị úớt?..
	MT34:	Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật,	- Đặc điểm, công dụng và cách thức sử dụng đồ dùng,

	hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	đồ chơi. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.
MT35:	Trẻ nhận biết được đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông.
MT36:	Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	- Làm thử nghiệm như: Pha màu/đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh kết quả thử nghiệm.
MT37:	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau như xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.
MT38:	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại 1 số phương tiện giao thông theo 1-2 dấu hiệu.
MT39:	Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng, gần gũi.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường. - Hiện tượng khi pha đường, muối vào nước làm cho nước ngọt, mặn hơn...
MT40:	Trẻ biết chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.
MT41:	Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản, quen thuộc.	- Nghĩ ra các cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản như: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.
MT42:	Trẻ biết nhận xét, trò	- So sánh sự khác nhau và

		chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của đối tượng được quan sát.	giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả - Sự khác nhau giữa ngày và đêm.
	MT43:	Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Thời tiết; mùa.	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt con người.
	MT44:	Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Nước, không khí, ánh sáng.	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người động vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước . - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
	MT45:	Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Đất, đá, cát, sỏi.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
	MT46:	Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Thể hiện 1 số hiểu biết qua quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình như: Chơi đóng vai: Bắt chước hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn, Bác sĩ khám bệnh; Hát các bài hát về cây, con vật; Vẽ xé, dán, nặn con vật cây, đồ dùng đồ chơi, PTGT đơn giản.

b. Làm quen với toán:		
MT47:	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng và đếm trên các đối tượng trong phạm vi 10.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
MT48:	Trẻ biết so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau; nói kết quả so sánh: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
MT49:	Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. Tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Tách một số nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ.
MT50:	Trẻ biết sử dụng các số 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.
MT51:	Trẻ nhận biết được ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, biển số xe, ...)
MT52:	Trẻ nhận ra được quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1. - Ghép đôi. - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
MT53:	Trẻ biết sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo.
MT54:	Trẻ chỉ ra được các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: Hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật.
MT55:	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra	- Tạo ra các hình đơn giản từ các vật liệu khác nhau (xếp

	các hình đơn giản.	tạo thành các hình bằng hạt hạt, giấy bìa, que tính, ...)
MT56:	Trẻ biết tạo thành các hình mới bằng cách ghép các hình hình học.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
MT57:	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (Phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau; phía phải - phía trái).
MT58:	Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Các buổi: sáng, trưa, chiều tối.
c. Khám phá xã hội:		
MT59:	Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
MT60:	Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
MT61:	Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường, tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường, lớp. - Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn ; các hoạt động của trẻ ở trường.
MT62:	Trẻ kể được tên, công việc, công cụ, sản phẩm, ích lợi của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
MT63:	Trẻ kể được tên và nói	- Đặc điểm nổi bật của một

		được đặc điểm của một số ngày lễ hội. Kể tên và nêu được một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.
3. Phát triển ngôn ngữ	a. Nghe:		
	MT64:	Trẻ thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp.	- Hiểu và làm theo 2-3 yêu cầu
	MT65:	Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát.	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất và các từ biểu cảm.
	MT66:	Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Chăm chú lắng nghe và trao đổi lại nội dung nghe với người đối thoại.
	MT67:	Trẻ nghe hiểu được nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	- Nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
	MT68:	Trẻ nghe hiểu được nội dung truyện kể, truyện đọc, nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.. - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè theo độ tuổi.
	b. Nói:		
	MT69:	Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm rõ ràng - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó
	MT70:	Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.	- Các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.
	MT71:	Trẻ biết sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp . - Trả lời và đặt câu hỏi: Ai?; Cái gì?; Ở đâu?; Khi nào?; Để làm gì?.
	MT72:	Trẻ biết bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm (Yêu, ghét...), nhu cầu (ăn, ngủ, vệ sinh...) và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.

MT73:	Trẻ kể lại được sự việc theo trình tự.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.
MT74:	Trẻ đọc được thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè.
MT75:	Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc, bắt chước được giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Kể lại truyện đã được nghe. - Đóng kịch
MT76	: Trẻ biết sử dụng các từ như: “Mời cô”; “Mời bạn”; “Cảm ơn”; “Xin lỗi”... trong giao tiếp.	- Thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.
MT77:	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Cường độ giọng của bé khi giao tiếp (không quá to, không nói lí nhí, nói nhỏ trong giờ ngủ,)
c. Làm quen với việc đọc - viết:		
MT78:	Trẻ nhận ra được kí hiệu thông thường trong cuộc sống .	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông; Đường cho người đi bộ...)
MT79:	Trẻ biết chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
MT80:	Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Quan sát các nhân vật trong tranh và mô tả lại hành động của từng nhân vật trong tranh.
MT81:	Trẻ nhận dạng được một số chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt theo khả năng của trẻ. Biết tập tô, tập đồ các nét chữ.	- Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.
MT82:	Trẻ làm quen với cách	- Hướng đọc, viết: từ trái

		“đọc” và “viết” trong tiếng Việt.	sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới - Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
	MT83:	Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa.	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của quyển sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ “đọc vẹt” - Giữ gìn, bảo vệ sách.
	MT84:	Trẻ biết sử dụng ký hiệu để “viết” tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.	- Một số ký hiệu để viết tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng nhân ngày sinh nhật, ngày 8-3...
4. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	a. Phát triển tình cảm:		
	MT85:	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, điều trẻ thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Tên, tuổi, giới tính. - Sở thích khả năng của bản thân.
	MT86:	Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.
	MT87:	Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao.	- Hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)
	MT88:	Trẻ nhận biết được cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
	MT89:	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình.
	MT90:	Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ và thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Hình ảnh Bác Hồ, Lắng Bác Hồ. - Hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác.

	MT91:	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.	- Quan tâm tới di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.
	b. Phát triển kỹ năng xã hội:		
	MT92:	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường.
	MT93:	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
	MT94:	Trẻ biết chú ý lắng nghe khi cô và bạn hỏi.	- Chú ý lắng nghe khi cô và bạn hỏi.
	MT95:	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt, hợp tác.
	MT96:	Trẻ biết yêu quý, quan tâm người thân trong gia đình.	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình (ông bà, bố mẹ, anh chị em..)
	MT97:	Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn bè để cùng thực hiện hoạt động chung.	- Quan tâm, giúp đỡ bạn.
	MT98:	Trẻ phân biệt được hành vi vi “đúng”-“Sai” “tốt”-“xấu”.	- Hành vi “đúng”-“Sai” “tốt”-“xấu”.
	MT99:	Trẻ biết tiết kiệm điện, nước.	- Tiết kiệm điện, nước (Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng...)
	MT100:	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc, không bẻ cành, bứt hoa.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.
	MT101:	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường
5. Phát triển thẩm mỹ	a. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên và nghệ thuật:		
	MT102:	Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp

	động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng.	khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT103:	Trẻ biết chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng theo các bản nhạc, bài hát. - Chăm chú lắng nghe người khác đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, kể chuyện.
MT104:	Trẻ thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ và biết sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của tác phẩm tạo hình.	- Ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của bản thân (về màu sắc, hình dáng...) của tác phẩm tạo hình.
b. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình:		
MT105:	Trẻ nghe và nhận ra được các loại nhạc khác nhau.	- Nghe và nhận biết các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca)
MT106:	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời thể hiện sắc thái của bài hát qua nét mặt, điệu bộ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát.
MT107:	Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc với các hình thức.	- Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
MT108:	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.

	MT109:	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh; xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục. Làm lõm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Sử dụng các kỹ năng: vẽ, nặn, cắt dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét.
	MT110:	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dạng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét.
c. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật:			
	MT111:	Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn thể hiện các hình thức vận động theo nhạc, nghe nhạc và vận động tự do.
	MT112:	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.
	MT113:	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra được các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói ý tưởng sản phẩm tạo hình của mình
	MT114:	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.

Phụ lục 07
DỰ KIẾN THỜI GIAN VÀ CÁC CHỦ ĐỀ TRONG NĂM HỌC
(Kế hoạch số 54/KH-TrMN ngày 25/8/2025 của trường MN Đồng Sơn
về Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Năm học 2025-2026)

TT	TÊN CHỦ ĐỀ LỚN	SỐ TUẦN	THỜI GIAN	CÁC SỰ KIỆN LỚN TRONG NĂM
1	Trường mầm non	3 tuần	Từ 08/9/2025 đến 26/9/2025	
2	Bản thân	3 tuần	Từ 29/9/2025 đến 17/10/2025	- Tết trung thu (Dự án)
3	Gia đình	3 tuần	Từ 20/10/2025 đến 07/11/2025	- Ngày thành lập hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam 20/10
4	Nghề nghiệp	4 tuần	Từ 10/11/2025 đến 05/12/2025	- Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11
5	Thế giới động vật	4 tuần	Từ 08/12/2025 đến 02/01/2026	- Ngày thành lập QĐND Việt Nam 22/12
6	Thế giới thực vật	4 tuần	Từ 05/01/2026 đến 23/01/2026	
7	Tết và mùa xuân	3 tuần	Từ 26/01/2026 đến 13/02/2026	- Tết nguyên đán (Dự án)
(Nghỉ tết nguyên đán từ ngày 16/02/2026 đến ngày 28/2/2026 dương lịch) <i>(Từ ngày 29/12 đến hết ngày 12/01 âm lịch)</i>				
	Một số quy định và phương tiện và quy định giao thông.	5 tuần	Từ 02/3/2026 đến 03/4/2026	- Ngày Quốc tế phụ nữ 08/3
	Nước - Hiện	3 tuần	Từ 06/4/2026 đến	Ngày giỗ tổ Hùng

	tượng tự nhiên.		24/4/2026	Vương
	Quê hương - Đất nước- Bác Hồ.	4 tuần	Từ 27/4/2026 đến 22/5/2026 (Từ 29/4 – 3/5 nghỉ ngày lễ và tổ chức ôn luyện, hoạt động trải nghiệm, Kỹ năng sống, ngoại khóa)	Ngày giải phóng Miền nam 30/04 Ngày Quốc tế lao động 01/05
<i>Kết thúc học kỳ I: 09/01/2026</i> <i>Kết thúc chương trình: 22/5/2026</i> <i>Kết thúc năm học 30/05/2026</i>				

